

Bản án số: 55/2021/HNGĐ - ST
Ngày 29/10/2021
“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuyên.

Ông Dương Văn Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 307/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5X/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Lê Văn Đ**, sinh năm 1959;

Nơi cư trú: Xóm X, xã Hải S, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Thôn Lập T, xã Minh T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Có mặt ông Đ, vắng mặt bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2021 và các lời khai theo nguyên đơn là ông Lê Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Hải S, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ngày 05/5/2017. Sau khi kết hôn, ông chuyển đến sống cùng bà T tại thôn Lập T, Minh T, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội. Cuộc sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông muốn vợ chồng chuyển về Nam Định sống nhưng bà T không đồng ý, đồng thời bà T quán xuyến tất cả số tiền ông kiếm được và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Sau khi mâu thuẫn nảy sinh, ông bà đã tự hòa giải nhưng không thành nên ông đã về Nam Định sống từ tháng 12/2020, ông bà sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan T chăm, sóc nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông đề nghị tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

- Về con chung: Ông bà không có con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2021, bà Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận lời khai của ông Đ về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi ông bà chung sống. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ không giữ đúng lời hứa với bà trước khi kết hôn là vợ chồng sẽ sống tại Minh T, Sóc Sơn, Hà Nội mà bắt bà chuyển về sống tại Nam Định, bà không đồng ý nên vợ chồng bất hòa, ông Đ tự bỏ về Nam Định sống từ năm 2020 đến nay, không quan T gì đến bà. Nay ông Đ xin ly hôn, bà xác định không còn tình cảm gì với ông Đ nhưng do bà là người theo đạo Thiên Chúa Giáo không được phép ly hôn nên bà không đồng ý ly hôn, không ký nhận các văn bản tố tụng và cũng không đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về con chung: Ông bà không có con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết

vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Kể từ ngày nhận đơn, thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Đ, cho ông Lê Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Ông Đ và bà T không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, đất nông nghiệp, công sức đóng góp, nợ chung: Ông Đ, bà T không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Ông Đ được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn là bà Nguyễn Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Lập T, xã Minh T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của bà Nguyễn Thị T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà T nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 22X của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải S, huyện Hải Hậu, tỉnh

Nam Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số XKH/2017 ngày 05/5/2017. Hôn nhân giữa ông Đ, bà T là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, ông Đ, bà T sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, ông Đ cho rằng bà T không chung thủy có quan hệ với người đàn ông khác, giữ toàn bộ số tiền ông kiếm được không cho ông sử dụng; bà T lại cho rằng ông Đ không giữ lời hứa trước khi kết hôn là vợ chồng sẽ tiếp tục sống tại Minh T, Sóc Sơn, Hà Nội mà bắt bà phải chuyển về Nam Định sống. Quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận không còn tình cảm với ông Đ nhưng bà không đến Tòa án làm việc, từ chối ký các văn bản tố tụng và không đồng ý ly hôn ông Đ với lý do bà là người theo Đạo Thiên Chúa giáo, không được phép ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn bền vững, hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương, sự tôn trọng, chia sẻ và có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống. Tuy nhiên lý do bà T không đồng ý ly hôn không xuất phát từ tình cảm và mong muốn níu kéo, hàn gắn quan hệ vợ chồng, mà xuất phát từ lý do tôn giáo, phản ánh thái độ tiêu cực, thờ ơ của bà T trước mâu thuẫn và rạn nứt tình cảm vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương cho thấy ông Đ đã chuyển về sống tại Hải Hậu, Nam Định từ tháng 12/2020 đến nay, vợ chồng không còn quan T, chăm sóc gì nhau. Như vậy mâu thuẫn giữa ông Đ, bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông Đ, bà T xác định không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do ông Đ là người cao tuổi nên ông Đ được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, hoàn lại ông Đ số tiền tạm ứng áp phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điều 143, 147, 227, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Đ. Cho ông Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: Xác nhận ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T không có con chung.
3. Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Ông Lê Văn Đ được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại ông Lê Văn Đ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004212 ngày 01/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
5. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng

